TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-10-2023
V/v ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Thùy

2. Ông Nguyễn Hữu Tài

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kiều Phương – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Thanh Thúy – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 về việc: "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị S, sinh năm 1977. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Thạch Ngọc T, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 05/6/2023 nguyên đơn chị Thạch Thị S trình bày: Chị và anh T kết hôn vào năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 21/03/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 26 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải, không hợp nhau. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Thạch Ngọc T.

Về con chung: chị xác định vợ chồng có 02 con chung tên Thạch H, sinh ngày 12/10/1998 và Thạch T, sinh ngày 22/8/2009 hiện đang sống chung với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi Thạch T, sinh ngày 22/8/2009, yêu cầu anh T phải cấp

dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Riêng đối với Thạch H, sinh ngày 12/10/1998 đã trưởng T, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Thạch Ngọc T trình bày: anh thống nhất như lời trình bày của chị S về thời gian T hôn, đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Quá trình chung sống vợ chồng cũng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nhưng chị S không cho anh vào nhà để sinh hoạt chung sống vợ chồng nên vợ chồng không còn chung sống từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay. Nay theo yêu cầu ly hôn của chị S anh không đồng ý, xin được đoàn tụ để lo cho con.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Thạch H, sinh ngày 12/10/1998 và Thạch T, sinh ngày 22/8/2009 hiện đang sống chung với chị P. Trường hợp nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S thì anh đồng ý giao cháu Thạch T, sinh ngày 22/8/2009 cho chị S nuôi như ý kiến nguyện vọng của cháu T, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Riêng đối với Thạch H, sinh ngày 12/10/1998 đã trưởng T, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của chị Thạch Thị S, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn anh Thạch Ngọc T không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và nguyên đơn cũng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a

khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị S.

Về hôn nhân: Xử cho chị Thạch Thị S được ly hôn với anh Thạch Ngọc T.

Về con chung: Giao con chung Thạch T, sinh ngày 22/8/2009 cho chị Thạch Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh Thạch Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Thạch Thị S phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn nhưng chị Thị S là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho chị Thạch Thị S.

Anh Thạch Ngọc T có nghĩa vụ nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Thạch Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Thạch Ngọc T, có địa chỉ: ấp N, xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Thạch Thị S đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Thạch Ngọc T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Thạch Thị S và anh Thạch Ngọc T kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 21/03/1998 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhân kết hôn số: 02, ngày 21/03/1998 và chị S, anh T kết hôn cũng đảm

bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị S cho rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được khoảng 26 năm thì phát sinh phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do cuộc sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ khi mâu thuẫn đến nay vợ chồng không có hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Tại biên bản lấy lời khai anh T cho rằng vẫn còn tình cảm với chị S, xin được đoàn tụ nhưng quá trình chung sống chị S không cho anh vào nhà để sinh hoạt chung sống vợ chồng nên vợ chồng không còn chung sống từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị S và anh T có mâu thuẫn trong quá trình chung sống như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, chị S vẫn cương quyết ly hôn. Mặc khác, việc yêu cầu ly hôn của chị S Tòa án triệu tập tham gia để hòa giải nhiều lần nhưng anh T không tham gia. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy từ khi vợ chồng không còn sống chung thì con chung Thạch T, sinh ngày 22/8/2009 do chị S trực tiếp nuôi. Mặt khác con chung đủ 07 tuổi có ý kiến nguyện vọng sống chung với mẹ, cuộc sống cháu ổn định nên tiếp tục giao con chung cho chị S được tiếp tục nuôi, anh T đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

Riêng đối với Thạch H, sinh ngày 12/10/1998 đã trưởng T, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thạch Thị S phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng chị Thị S là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho chị Thạch Thị S; Anh Thạch Ngọc T có nghĩa vụ nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị S.

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Thạch Thị S được ly hôn với anh Thạch Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung Thạch T, sinh ngày 22/8/2009 cho chị Thạch Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh Thạch Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày chị Thạch Thị S có đơn yêu cầu Thi hành án nếu anh Thạch Ngọc T không cấp dưỡng nuôi con thì phải trả lãi trên số tiền chưa cấp dưỡng theo lãi suất của khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí cho chị Thạch Thị S.

Anh Thạch Ngọc T có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
- Uỷ ban nhân dân xã C
Số 02 ngày 21/03/1998
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Thị Tuyền